

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 243/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20 – 11 – 2018

Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Hoàng Sơn

2. Bà Trần Thị Mỹ Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thuý Dung, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 885/2018/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2018 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 814/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Dương Văn T, sinh năm: 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Xóm Lắm, xã Định Bình, thành phố C, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Chị Lý Hồng Ph, sinh năm: 1981 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Xóm Lắm, xã Định Bình, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 04/10/2018 và tại phiên tòa, anh Dương Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Lý Hồng Ph xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 1999, đến năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Bình, thành phố C, tỉnh C. Hôn nhân của anh và chị Ph được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, anh và chị Ph đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống mà không thể khắc phục được nên cuộc sống vợ, chồng anh, chị không

còn hạnh phúc. Do đó, anh xét thấy tình cảm vợ, chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ph.

- Về con chung: Anh T xác định giữa anh và chị Ph có 02 con chung là Dương Ngọc L, sinh ngày 04/9/2000; Dương Hoài L, sinh ngày 18/9/2003. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Hoài L, không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Ngọc L đã thành niên nên không đặt ra trách nhiệm nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Anh T xác định vợ, chồng anh có tài sản chung nhưng anh không đặt ra yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T khai vợ, chồng anh không thiếu nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng anh.

Tại bản tự khai ngày 07/11/2018, chị Lý Hồng Ph xác định: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, con chung, tình trạng tài sản, nợ đúng như đơn khởi kiện của anh T trình bày. Chị Ph cho rằng, trong cuộc sống vợ, chồng cũng xảy ra những mâu thuẫn, bất đồng. Nay anh T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị, chị đồng ý ly hôn; yêu cầu được nuôi cháu Hoài L, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung tự thỏa thuận; nợ chung không có, đồng thời chị xin không tham gia tố tụng trong quá trình hòa giải và xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Đối với chị Lý Hồng Ph có đơn yêu cầu không tham gia tố tụng từ phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, trong quá trình hòa giải và xét xử vụ án. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được đồng thời tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Ph theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Dương Văn T và chị Lý Hồng Ph xác lập quan hệ vợ, chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2012 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống anh, chị có nhiều điểm bất đồng, không quan tâm, chăm sóc, thương yêu lẫn nhau. Xét mâu thuẫn thực tế là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ, chồng của anh, chị mỗi người có suy nghĩ, quan điểm khác nhau dẫn đến không hoà hợp, thường xuyên cãi vã, xung đột với nhau làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ, chồng nên anh, chị mỗi người sống một nơi, có cuộc sống và mối quan hệ riêng tư, không quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau. Mặt khác, sau khi xảy ra mâu thuẫn, anh, chị cũng tự dung hoà để hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng không có hiệu quả. Thực tế anh T đã nộp đơn ly hôn với chị Ph điều đó chứng tỏ anh T cương quyết ly hôn nên chị Ph đã chấp nhận ly hôn với anh T. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị Ph là có căn cứ.

[3] Về con chung: Anh T và chị Ph xác định giữa anh, chị có 02 con chung là Dương Ngọc L, sinh ngày 04/9/2000; Dương Hoài L, sinh ngày 18/9/2003. Khi ly hôn, cả anh T và chị Ph đều có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Hoài L, không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì “...; *trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Tòa án tiến hành ghi ý kiến của cháu Hoài L thì nguyện vọng của cháu muốn được ở với anh T. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Hoài L cho anh T nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Anh T và chị Ph xác định có nhưng anh, chị không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh T và chị Ph khai không thiếu nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Dương Văn T về việc xin ly hôn chị Lý Hồng Ph.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Hoài L, sinh ngày 18/9/2003 cho anh Dương Văn T nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Ph không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh T và chị Ph xác định có nhưng không đặt ra yêu cầu nên không xem xét;

4. Về nợ chung: Anh T và chị Ph khai không thiếu nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, anh T phải chịu 300.000đ, ngày 09 tháng 10 năm 2018, anh T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 1474 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước. Chị Ph không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Ph được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Định Bình, thành phố Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

Hứa Minh Hải